

## BỔ SUNG MỘT LOÀI THUỘC CHI *RUNGIA* NEES (HỌ Ô RÔ - ACANTHACEAE) CHO HỆ THỰC VẬT VIỆT NAM

ĐỖ THỊ XUYẾN, ĐỖ VĂN HÀI

*Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật*

Trên thế giới, chi *Rungia* Nees (Acanthaceae) có khoảng 50 loài, phân bố chủ yếu ở các vùng nhiệt đới. Benoist R. (1935) đã công bố và mô tả 6 loài thuộc chi này ở Đông Dương và Thái Lan, trong đó Việt Nam có 4 loài [5]. Theo Trần Kim Liên, 2005, ở Việt Nam, chi này có 5 loài [2]. Tuy nhiên, loài *Rungia parviflora* Nees hiện nay đã trở thành tên đồng nghĩa của loài *R. spectinata* Ness nên chi này ở nước ta chỉ có 4 loài. Đây thường là các loài hiếm gặp, trừ *R. spectinata* Ness phân bố trên cả nước.

Trong quá trình nghiên cứu các tài liệu và so sánh các mẫu vật của chi *Rungia* Nees được lưu trữ ở các phòng tiêu bản thực vật của Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật (HN), Viện Dược liệu (HNPM), Viện Sinh học nhiệt đới tại thành phố Hồ Chí Minh (HM), trường đại học Khoa học tự nhiên, Đại học quốc gia Hà Nội (HNU), trường đại học Dược Hà Nội (HNIP), Viện Điều tra Quy hoạch rừng (HNF) cùng tham

khảo các mẫu vật thuộc họ Ô rô (Acanthaceae) được lưu giữ tại các Phòng tiêu bản thực vật của Viện Thực vật Côn Minh, Trung Quốc (KUN), Viện Thực vật Quảng Tây, Trung Quốc (KIB), lần đầu tiên chúng tôi đã phát hiện được loài *Rungia chinensis* Benth. có ở Việt Nam. Các mẫu vật được Lê Đông Tấn và cs. thu tại vườn quốc gia Bì Đúp, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng và hiện được lưu trữ tại phòng tiêu bản thực vật của Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật (HN).

Trong bài báo này, chúng tôi mô tả bổ sung loài mới này cho hệ thực vật Việt Nam, đưa tổng số loài của chi *Rungia* Nees đã biết ở Việt Nam lên 5 loài.

Để có công bố này, chúng tôi đã áp dụng phương pháp nghiên cứu so sánh hình thái phân loại. Mẫu vật của Việt Nam đã được so sánh với các mẫu vật chuẩn của Trung Quốc. Dưới đây là đặc điểm của loài mới được phát hiện ở Việt Nam.

### Khóa định loại các loài trong chi *Rungia* Nees đã biết ở Việt Nam

1A. Quả có lông.

2A. Lá hình trứng rộng hay trứng thuôn, dài từ 2 đến 4 cm. Lá bắc con có lông ở mép.....1. *R. chinensis*

2B. Lá hình bầu dục, dài từ 8 đến 12 cm. Lá bắc con không lông ở mép. □□□□.2. *R. pierrei*

1B. Quả không có lông.

3A. Tràng dài 1 cm.

4A. Lá dài 1-3 cm. Đài dài 2-3 mm.....3. *R. evrardii*

4B. Lá dài 7-9 cm. Đài dài 4-5 mm.....4. *R. salacensis*

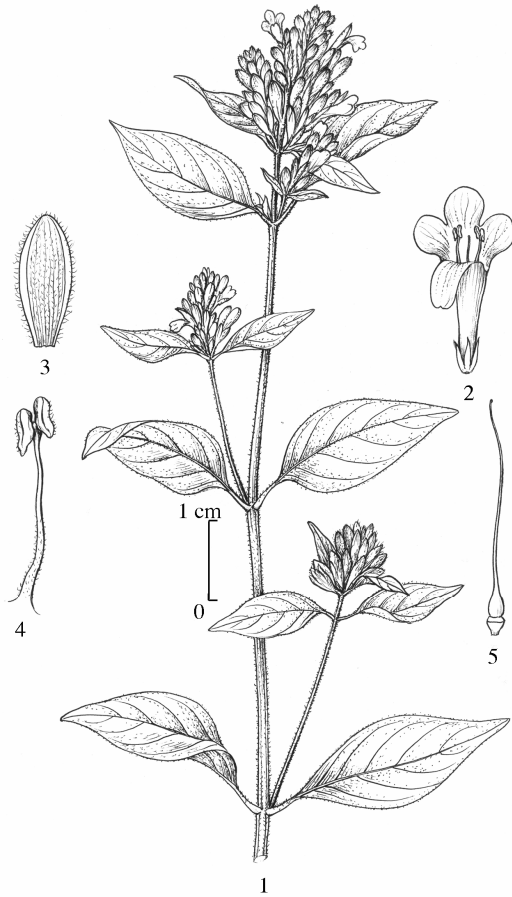
3B. Tràng dài 0,6 cm. ....5. *R. pectinata*

---

*Công trình được hỗ trợ về kinh phí của Chương trình nghiên cứu cơ bản.*

**Rungia chinensis** Benth. - Rung trung quốc

Benth. 1861. Fl. Hongk. 266; Auctors, 1976. Icon. Corm. Sin. 4: 176. fig. 5766; Hsieh C. F. & Huang T. F. 1988. Fl. Taiw. 4: 676; Hu J. 2002. Fl. Reipubl. Pop. Sin. 70: 5; Ban Q. et al., 2004. Higher Pl. China, 10: 403. fig. 601.



**Rungia chinensis** Benth.

1. cành mang hoa; 2. hoa; 3. lá bắc; 4. nhị; 5. bộ nhụy. (hình của Đ. T. Xuyên, 2007; vẽ theo mẫu NY-HN 726 - HN).

Cỏ cao tới 40 cm hay hơn. Thân mảnh, thường nằm rồi đứng, khi non có lông tơ màu trắng dày, thường có rể ở đốt thân phía dưới. Lá hình trứng rộng hay trứng thuôn, có mũi; dài 2-4 cm, rộng 1-3 cm; gốc lá hẹp dần, nhọn; chóp lá có mũi nhọn hay tù; mép lá nguyên hay hơi lượn sóng; gân gốc 4-5 cặp; cả 2 mặt nhẵn, có lông rải rác trên gân; cuống lá dài 1-3 cm, có lông. Cụm hoa chùm thường ở đỉnh cành hay nách lá, chùm dài 3-6 cm, thường mang nhiều hoa, có

lông. Lá bắc cái ngoài hình bầu dục thuôn hay trứng ngược thuôn dài, dài 0,8-1,0 cm, rộng 0,2-0,3(0,4) cm, có lông tơ mảnh rải rác ở mép. Lá bắc cái trong hình trứng ngược hay trứng ngược thuôn, dài 0,6-0,8 cm, rộng 0,3-0,4 cm. Lá bắc con hình trứng hay trứng rộng, dài 0,6-0,7 cm, rộng 0,4-0,5 cm, chóp tròn có mũi nhọn, mép có một vòng trong suốt, thường có lông tơ rải rác. Đài 5 thùy, dài 0,5 cm; thùy thường hình mũi giáo hẹp, có mũi nhọn dài, có lông. Tràng màu hồng hay trắng; ống tràng dài 0,6 cm, có lông tơ mịn; chia 2 môi, môi dưới 3 thùy, môi trên 2 thùy nhỏ như răng. Nhị 2, chỉ nhị dài tới 0,5 cm, có lông phủ dày ở phía dưới, mang 2 bao phấn thường lệch. Vòi nhụy dài 1 cm, thường nhẵn; núm nhụy tù. Quả nang, hình trứng, dài 0,6 cm, có lông mịn. hạt gân hình cầu.

*Loc. class.:* China.

*Sinh học và sinh thái:* Cây ra hoa vào các tháng 9-11; có quả vào các tháng 10-12. Gặp mọc rải rác trong rừng, ở những nơi ẩm, ở độ cao 1500 m so với mặt nước biển.

*Phân bố:* Mới thấy ở Lâm Đồng (Lạc Dương: Bì Đúp). Còn có ở Trung Quốc (Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam, Đài Loan).

*Mẫu nghiên cứu:* Lâm Đồng, L. Đ. Tấn và cs., NY-HN 726 (HN).

*Ghi chú:* loài này mới chỉ được ghi nhận ở Đài Loan (Trung Quốc) và thường phân bố ở các khu rừng miền tây và tây nam, đặc biệt là các vùng núi Pingtung, Taitung và Hualien, nhưng cũng được nhấn mạnh đây là một loài hiếm gặp. Loài *R. chinensis* Benth. rất gần với loài *R. pierrei* Benoist bởi đặc điểm quả có lông, nhưng khác với loài *R. pierrei* Benoist bởi *R. pierrei* Benoist mang lá hình bầu dục, dài 8-10 cm, lá bắc con không có lông ở mép; còn *R. chinensis* Benth. mang lá hình trứng, dài 2-4 cm, lá bắc con có lông ở mép.

Loài *R. chinensis* Benth. rất giống với loài *R. tonkinensis* R. Ben. [5] nhưng khác với loài *R. tonkinensis* R. Ben. bởi đặc điểm lá thường rộng hơn (tới 3 cm), lá bắc con thường ngắn hơn (thường 0,6-0,7 cm). Tuy nhiên, sự tồn tại của loài *R. tonkinensis* R. Ben. là chưa chắc chắn bởi *R. tonkinensis* R. Ben. được R. Benoist ghi nhận trong Fl. Gén. Indoch. 4: 759 [5], với ghi chú rõ ràng là loài này được công bố đầu tiên ở Notul. Syst. 1935 mà không chỉ rõ số tập và số trang.

Tuy vậy, trong các tài liệu về Notul. Syst. xuất bản năm 1935 thì không có loài này. Tất cả các tài liệu nghiên cứu về sau đều ghi nhận loài *R. tonkinensis* R. Ben. được công bố đầu tiên trong Fl. Gén. Indoch., 1935 (Index Kewensis, 1995 hay The International Plant Names Index - IPNI, 2003). Như vậy, khi công bố loài này, R. Ben. đã không có phần mô tả bằng tiếng latin, không chỉ ra mẫu typus. Vì đây là loài còn mang nhiều nghi ngờ nên đã không được đưa vào “Danh lục các loài thực vật Việt Nam, tập 3” [2].

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Phạm Hoàng Hộ**, 2000: Cây cỏ Việt Nam, 3: 30-82. Nxb. Trẻ, tp. Hồ Chí Minh.
2. **Trần Kim Liên**, 2005: Danh lục các loài thực vật Việt Nam, 3: 251-281. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
3. **Auctors**, 1976: Iconographia Cormophytorum Sinicorum, 4: 150-177. Beijing (in Chinese).
4. **Auctors**, 1978: Flora Hainanica, 3: 536-572. Science Press (in Chinese).
5. **Benoist R.**, 1935: Flore Générale de l'Indo-Chine (H. Lecomte), 4: 610-772. Paris.
6. **Clarke C. B.**, 1885: Flora of British India, 4: 387-554. London.
7. **Ban Q. et al.**, 2004: Higher plants of China, 10: 329-416. Qingdao Publishing House, China (in Chinese).
8. **Hsieh C. F. & Huang T. F.**, 1988: Flora of Taiwan, 4: 648-687. Taiwan.
9. **Hu C. et al.**, 2002: Flora Reipublicae Popularis Sinicae, 70: 24-308. Science Press, Pekin (in Chinese).

## ONE NEW OCCURRENCE SPECIES OF THE GENUS *RUNGIA* NEES (ACANTHACEAE) FOR THE FLORA OF VIETNAM

DO THI XUYEN, DO VAN HAI

### SUMMARY

The genus *Rungia* Ness (Acanthaceae) has approximately 50 species in the world, mainly distributing in the tropical. In Vietnam, it has 4 species. During the study of the Acanthaceae specimens of Vietnam, we have found *Rungia chinensis* Benth. (Acanthaceae) as a new record for the flora of Vietnam. It is a herb to 40 cm or more; slender, puberulent; leaves broadly ovate to oblong-ovate, 2-4 cm long, 1-3 cm wide; lateral veins 4-5 per side; petioles 1-3 cm long. Spikes terminal or axillary, 3-6 cm long; outer bracts elliptic, ca. 6 mm long, 2-4 mm wide, sparingly ciliate; inner bracts broadly obovate or obovate-oblong, 0.7-0.8 mm long, 0.2-0.4 cm wide; bracteoles ovate, 0.6-0.7 cm long, 0.4-0.5 cm wide, apex acuminate, margins hyalin, sparingly ciliate; calyx 5 lobed, segments linear-lanceolate; corolla pale purple or white, 6-8 mm long with 2 lips, lower lip 3 lobed; filaments up to 0.5 cm long, hirsute at base; style to 0.7-1 cm long, glabrous; stigma obtuse. Capsule ovoid, ca. 0.6 cm long. It is close to *R. pierrei* Benoist but only differs from it in leaves broadly ovate to obvate-oblong, 2-4 cm long; bracteole margins hyaline. The specimens were collected in the Lamdong province (Lacduong district), Vietnam by Le Dong Tan et al. and deposited in the Hanoi herbarium, Institute of Ecology and Biological resources, Hanoi, Vietnam (HN).

Ngày nhận bài: 25-1-2007